

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HS-ST

Ngày: 22-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang.

Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Giang;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hân;

- Ông Nguyễn Ngọc Nhi;

- Ông Lê Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2019/TLHS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Võ Thái D (Út), sinh năm 1983 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp 3, xã TV, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; con ông Võ Thanh T, sinh năm 1943 và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1948; vợ 1 tên Nguyễn Thị Hồng G (đã ly hôn), có 02 con sinh năm 2004 và 2006; vợ 2 tên Lê Thị Kim T (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 10/12/2010 bị Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 31/8/2011 chấp hành xong hình phạt tù và án phí, đã xóa án tích; ngày 23/3/2015 bị Công an thị trấn DMC, Huyện DMC xử phạt 150.000 đồng về hành vi “Không xuất trình giấy

chứng minh nhân dân khi có yêu cầu kiểm tra của người có thẩm quyền”, nộp phạt xong ngày 26/3/2015, được xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị tạm giữ từ ngày 27/4/2019, sau đó chuyển tạm giam đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Ông Đặng Minh Đ - Luật sư Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị hại:*

+ Bà Đặng Thị N, sinh năm 1966; nơi cư trú: 4/44 ấp LY xã LTN, huyện HT, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Bà Huỳnh Thị Nh, sinh năm 1972; nơi cư trú: tổ 3, ấp S, xã CD, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1979 – Chủ hộ kinh doanh cá thể Dịch vụ cầm đồ NH; nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông Đặng Hữu S, sinh năm 1977 là người đại diện theo ủy quyền, trú cùng địa chỉ với bà H (theo văn bản ủy quyền ngày 04/7/2019).

Bà H, ông S có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 12 năm 2018, Võ Thái D làm nghề tài xế, sinh sống tại huyện PQ, tỉnh Kiên Giang và có quan hệ tình cảm với bà Huỳnh Thị Nh, sinh năm 1972, ngụ ấp S, xã CD, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang. D biết bà Nh có tiền gửi ngân hàng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Để chiếm đoạt được tiền, D rủ bà Nh góp vốn buôn bán xe ô tô cũ thu lời, bà Nh tin tưởng nên đồng ý. Ngày 28/12/2018, D điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 70H1-302.79 do D đứng tên sở hữu, chở bà Nh từ huyện PQ đi tìm mua xe ô tô cũ, bà Nh mang theo túi xách da, màu nâu, bên trong có 740.000.000 đồng, túi xách để trong cốp xe mô tô của D. Ngày 29 và 30/12/2018, D và bà Nh đến tỉnh Đồng Nai gặp anh Vũ Huy H, ngụ khu phố 7, phường LB, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai, hỏi mua xe ô tô tải biển số 63C-045.71. Anh H bán xe với giá 780.000.000 đồng, D cố tình hỏi mua với giá 700.000.000 đồng, anh H không bán. D tiếp tục rủ bà Nh đến tỉnh Tây Ninh tìm mua xe ô tô tải, bà Nh đồng ý.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 30/12/2018, D và bà Nh đến Tây Ninh, thuê nhà nghỉ V, thuộc ấp GĐ, xã MC, huyện TB, D sử dụng giấy chứng minh nhân dân số 290400416 mang tên Nguyễn Quốc Th đăng ký thuê phòng nhằm che giấu nhân thân của D. Khi bà Nh đang nhận phòng nghỉ, D nói dối đi thăm con

và quay lại ngay, tin tưởng nên bà Nh không yêu cầu giao túi xách. Không thấy D quay lại nên bà Nh nhiều lần liên lạc qua điện thoại thì D nói dối đang thăm con.

Sáng ngày 31/12/2018, D đến nhà anh Tạ Văn T, tại ấp 5, xã TV, huyện TB (anh T là chồng của chị Nguyễn Thị Hồng G – chị G là vợ cũ của D) nhưng không gặp được con của D và chị Gấm. D gửi cho anh T số tiền 3.000.000 đồng để cho con. Số tiền chiếm đoạt, D sang Campuchia dùng đánh bạc, túi xách và giấy tờ tùy thân của bà Nh, D vứt bỏ. Bà Nh nhiều lần liên lạc với D không được nên ngày 13/01/2019, đến Công an xã MC, huyện TB tố cáo hành vi của D. Ngày 29/4/2019, D đến Phòng Cảnh sát Hình sự Công an tỉnh Tây Ninh đầu thú.

Quá trình điều tra, Võ Thái D còn khai nhận: Vào tháng 7/2017, ông Nguyễn Quốc T, ngụ khu phố H, phường HN, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh được bà Đặng Thị N, ngụ ấp LY, xã LTN, huyện HT, tỉnh Tây Ninh thuê điều khiển xe ô tô biển số 37C-041.19 chở hàng cho bà N. Khi ông T điều khiển xe ô tô đến khu vực ấp TX, xã MC, huyện TB thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an huyện TB kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi chở hàng vượt tải trọng và tạm giữ giấy phép lái xe. Do cần giao hàng cho khách nên thông qua ông Trần Văn H, ngụ ấp X, xã P, huyện C Thành phố Hồ Chí Minh, bà N nhờ Võ Thái D hướng dẫn nộp phạt. Sau khi xem biên bản vi phạm hành chính, D biết lỗi của ông T sẽ bị giữ giấy phép lái xe 02 tháng và có thể bị phạt 7.000.000 đồng, D nói dối với bà N có thể giúp ông T đóng phạt nhanh để được nhận lại giấy phép lái xe và xe ô tô 37C-041.19, yêu cầu bà N giao 10.000.000 đồng, ông T giao chứng minh nhân dân và biên bản vi phạm hành chính, bà N tin tưởng nên giao cho D 10.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, D vứt bỏ biên bản vi phạm hành chính, giữ chứng minh nhân dân số 290400416 của ông Nguyễn Quốc T để sử dụng và bỏ ra huyện PQ sinh sống.

Đối với xe mô tô 70H1-302.79: Ngày 20/4/2019, D cùng Mai Thị Ch (D và Ch sống như vợ chồng) đem xe đến cầm cố cho vợ chồng anh Đặng Hữu S và chị Lê Thị Ngọc H, cùng ngụ khu phố 2, thị trấn TB, huyện TB với giá 20.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Đến nay D chưa trả tiền cầm cố, lãi suất cho vợ chồng anh Sang.

- Kết luận giám định số 809/KL-KTHS ngày 06/6/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: có dấu vết tẩy xóa tại vị trí “Sinh ngày 21-02-19??” trên giấy chứng minh nhân số 290400416, họ tên Nguyễn Quốc T.

- Về kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: có bảng thống kê kèm theo.
- Về trách nhiệm dân sự: Đặng Thị N yêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng, Huỳnh Thị Nh yêu cầu bồi thường 740.000.000 đồng.

- Về kê biên tài sản: Võ Thái D không có tài sản riêng nên không tiến hành kê biên tài sản.

Tại Bản Cáo trạng số 13/CT-VKS-P3 ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố Võ Thái D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu: Bị cáo D đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của 02 bị hại tổng số tiền 750.000.000 đồng trong đó bị hại Đặng Thị N 10.000.000 đồng và bị hại Huỳnh Thị Nh 740.000.000 đồng, đề nghị tuyên bố bị cáo Võ Thái D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị xử phạt bị cáo từ 13 đến 15 năm tù, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo, bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, cũng cần xem xét bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải từ giai đoạn điều tra đến khi xét xử, bị cáo đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tạo điều kiện cho bị cáo sớm hòa nhập với cộng đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo thể hiện: Vì mục đích tư lợi cá nhân, để có tiền tiêu xài nên bị cáo D đã lợi dụng mối quan hệ quen biết và sự tin tưởng của các bị hại, dùng những thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của 02 bị hại với tổng số tiền là 750.000.000 đồng, cụ thể:

- Đối với bị hại Đặng Thị N: Khoảng tháng 7/2017, lợi dụng mối quan hệ quen biết, khi được bà N nhờ nộp nhanh tiền phạt lỗi vi phạm giao thông của tài xế chở hàng quá tải là ông Nguyễn Quốc T, mặc dù không có khả năng thực hiện nhưng bị cáo nói dối giúp nộp phạt sớm và yêu cầu đưa tiền cùng giấy tờ liên quan, chiếm đoạt của bà N số tiền 10.000.000 đồng.

- Đối với bị hại Huỳnh Thị Nh: Lợi dụng mối quan hệ tình cảm, sự tin tưởng của bà Nh, biết bà Nh có tiền gửi ngân hàng nên bị cáo D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, dựng lên việc rủ bị hại Nh đi mua xe ô tô tải cũ để bán kiếm lời, sửa giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Quốc T, khi đến Đồng Nai mua xe bị cáo cố tình trả giá thấp để không mua được xe, sau đó để tiếp tục thực hiện việc chiếm đoạt tiền, bị cáo nói dối rủ bà Nh đến địa bàn xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh để tìm mua xe và để bị cáo thăm con. Cả hai thuê nhà nghỉ tại ấp G, xã MC, huyện TB, bị cáo dùng chứng minh nhân dân của ông T đưa cho chủ nhà trọ và lấy xe mô tô biển số 70H1 – 302.79 cùng với số tiền trong cốp xe bỏ đi, chiếm đoạt của bà Nh số tiền 740.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt tiền, bị cáo đã sử dụng cho tiêu xài cá nhân, không còn khả năng chi trả.

Xét thấy, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo Võ Thái D thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà cụ thể là số tiền 750.000.000 đồng của bị hại Đặng Thị N, Huỳnh Thị Nh làm ảnh hưởng đến đạo đức của xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vụ án mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng lại cố tình lợi dụng lòng tin của bị hại, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại nên cần xử lý nghiêm bị cáo để đảm bảo tính răn đe giáo dục và phòng ngừa chung. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Khi quyết định hình phạt có xem xét đến nhân thân của bị cáo (đã bị xét xử về tội trộm cắp tài sản xử phạt 01 năm tù vào năm 2010, bị xử phạt vi phạm hành chính năm 2015), các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đầu thú, có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên có cơ sở áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Đặng Thị N 10.000.000 đồng và bị hại Huỳnh Thị Nh 740.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô Vision biển số 70H1-302.79 là xe hợp pháp của bị cáo. Bị cáo lợi dụng việc bị hại đang cất tiền trong cốp xe của bị cáo để thực hiện việc chiếm đoạt số tiền 740.000.000 đồng. Sau đó đến tháng 4/2019 bị cáo đem xe cầm cố tại Dịch vụ cầm đồ NH, người cầm cố thể hiện trên phiếu cầm đồ là “Châu”. Khi nhận được Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu số 01/QĐ-CSHS ngày 04/7/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh, anh S là người được chị H – chủ tiệm cầm đồ NH ủy quyền không đồng ý giao xe và cam kết không thanh lý chiếc xe trên đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền (Bút lục 238 và 239). Do đó, căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xác định chiếc xe mô tô Vision biển số 70H1-302.79 của bị cáo là phương tiện dùng vào việc phạm tội, cần buộc chị H giao nộp chiếc xe cùng giấy đăng ký xe để tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với hợp đồng cầm cố giữa Dịch vụ cầm đồ NH và bị cáo D và người tên Ch được tách ra giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu.

[7] Về án phí:

7.1 Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

7.2 Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu trên số tiền 750.000.000 đồng bồi thường cho các bị hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Võ Thái D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Thái D 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27-4-2019.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2/ Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Võ Thái D có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Đặng Thị N số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và bị hại Huỳnh Thị Nh số tiền 740.000.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bà Lê Thị Ngọc H – Chủ Hộ kinh doanh cá thể Dịch vụ cầm đồ NH giao nộp 01 xe mô tô Honda Vision màu đen đỏ, biển số 70H1-302.79, số máy JF66E0670775, số khung RLHJF5816GY670726 đã qua sử dụng và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên để sung quỹ nhà nước.

4/ Án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng).

5/ Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho bị cáo và các bị hại biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- Vụ 1 – TATC (khi bản án có hiệu lực);
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh TN;
- VP CQCSĐT CA tỉnh;
- Phòng PV27 CA Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam;
- Công an cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**(Đã ký)****Lê Thị Thu Trang**